

TIẾT XI

NGUYÊN SINH KHÍ

[Trong bản thảo của C.W.L., hai đoạn này tồn tại dưới dạng cô đọng. Trong bản thảo của F.A. chúng hoàn toàn không có. Những đoạn mà tôi đem ra in ở đây được sao chép từ một bức thư của Chơn sư K. H. mà tôi có được ở Paris vào năm 1916. Trong bản sao chép này thì những từ bằng tiếng Hi Lạp đã được chép sai. Tôi thử toan tính khôi phục lại những nguyên bản *autokrates*, *apeiron*, *noumena* và *oikonomos* dựa vào lời khuyên của một học giả tiếng Hi Lạp].

Một trong những bức thư của con có trích dẫn một trong những bức thư của chính ta: "Nên nhớ rằng bên trong con người không có một nguyên sinh khí thường trụ nào", ta thấy tiếp theo câu này là nhận xét của con: "Thế còn nguyên khí thứ sáu và nguyên khí thứ bảy thì sao?" Ta xin trả lời thắc mắc này như sau: "Atma cũng như Buddhi không bao giờ ở *bên trong* con người; đây là một công lý tiên đề nho nhỏ của siêu hình học mà con có thể nghiên cứu thuận lợi nơi Plutarch và Anaxagoras; Anaxagoras khiến cho *nous* của mình chính là *autokrates* tức là tinh thần tự lực cánh sinh, còn *apeiron* chỉ là *noumena* (bản thể) được công nhận; trong khi đó dựa vào thẩm quyền của Plato và Pythagoras. Plutarch dạy rằng *oikonomos* tức *nous* luôn luôn ở bên ngoài cơ thể, nghĩa là trôi nổi bồng bềnh và có thể nói là phù hộ cho phần ở trên cùng thuộc đỉnh đầu con người. Đức Phật có dạy rằng chỉ kẻ bình dân mới nghĩ là nó ở bên trên con người; con phải hoàn toàn từ bỏ mọi đối tượng vô thường hợp thành cơ thể con thì cơ thể con mới trở nên thường trụ.

Điều thường trụ không bao giờ hòa lẫn bên trong điều vô thường, mặc dù cả hai chỉ là một. Nhưng chỉ khi mọi dáng vẻ bên ngoài đã biến mất thì mới còn lại cái nguyên sinh khí nhất như vốn tồn tại độc lập với mọi hiện tượng bên ngoài. Đó là lửa thiêu đốt trong ánh sáng vĩnh hằng, khi nhiên liệu đã bị tiêu hao hết và ngọn lửa đã tắt ngúm, vì lửa đâu có ở nơi ngọn lửa cũng như đâu ở nơi nhiên liệu, cũng chẳng ở bên trong hai thứ đó mà ở bên trên, bên dưới và khắp mọi nơi.

PHỤ LỤC A

SỰ CHẾT

của tác giả quá cố Eliphas Levi

(Tập chí Nhà Thông Thiên Học số tháng 10 năm 1881)

Sự chết là sự tan rã cần thiết của những tổ hợp bất toàn. Đó là sự tái hấp thụ nét phác họa thô sơ của sự sống cá thể nhập vào tác phẩm lớn của sự sống đại đồng vũ trụ; chỉ có điều toàn bích là bất tử.

Đó là sự tắm trong nước quên lãng. Đó là suối nguồn tuổi trẻ khi một bên là tuổi già chìm vào đó rồi từ đó bên kia mới lòi ra tuổi ấu thơ. [Sự tái sinh của Chơn ngã sau khi chết. Giáo lý của Đông phương, nhất là của Phật giáo có nói tới sự tiến hóa của Bản ngã mới bắt nguồn từ Bản ngã cũ].

Sự chết là sự biến dung của sự sống; các xác chết chẳng qua chỉ là những chiếc lá chết khô của Cây Hằng Sống vốn vẫn còn có đủ mọi lá cây vào mùa xuân. Sự phục sinh của con người đời đời giống như những chiếc lá này.

Các hình tượng hữu hoại bị chế định bởi các nguyên mẫu bất tử.

Mọi người đã từng sống trên trần thế thì vẫn còn sống ở đó trong các khuôn mẫu mới của các nguyên mẫu, nhưng các linh hồn nào đã vượt qua được nguyên mẫu thì sẽ nhận ở đâu đó một hình tướng mới dựa vào một nguyên mẫu toàn bích hơn khi chúng leo mãi lên trên thang tiến hóa của các thế giới. [Từ cõi này sang cõi khác, từ một thế giới dương nguyên nhân và chủ động sang một thế giới âm hậu quả và thụ động]; các khuôn mẫu tồi tàn bị phá vỡ và vật chất của chúng lại trở về với đại khối. [Trở về vật chất vũ trụ, khi chúng tất nhiên là mất hết ngã thức tức cá tính và bị tiêu diệt theo cách nói của môn đồ Kabala Đông phương].

Có thể nói linh hồn của ta là một âm nhạc, còn thể xác của ta là nhạc cụ. Âm nhạc vẫn tồn tại khi không có nhạc cụ, nhưng nếu không có trung gian vật chất thì ta không thể nghe thấy âm nhạc; ta không thể quan niệm hoặc thấu hiểu được điều phi vật chất.

Trong kiếp hiện nay con người chỉ giữ lại được một vài bản tính trong các kiếp trước.

Việc chiêu hồn người chết chẳng qua chỉ là sự ngưng tụ của ký ức, là việc vẽ vời tô màu cho các sắc thái. Chiêu hồn những người không còn sống trên dương gian nữa chẳng qua là khiến cho nguyên mẫu của họ lại tái xuất giang hồ từ trí tưởng tượng của thiên nhiên. [Thiết tha muốn thấy người chết chính là chiêu hồn hình ảnh của người đó, trực nó ra từ tinh tú quang tức chất ether mà hình ảnh của quá khứ được chụp lại trên đó. Đây là điều được thực hiện một phần nào trong các phòng lên đồng. Các nhà thần linh học là các nhà Chiêu hồn vô ý thức].

Muốn giao tiếp trực tiếp với óc tưởng tượng của thiên nhiên thì người ta phải hoặc là ngủ thiếp đi vì bị nhiễm độc trong trạng thái mê mễ, cứng đờ hoặc điên loạn.

Ký ức vĩnh hằng chỉ bảo tồn điều bất hoại, mọi thứ trải qua theo Thời gian đều có quyền bị quên lãng.

Việc ướp xác là vi phạm định luật của thiên nhiên, đó là việc xâm phạm vào tính e thẹn của sự chết vốn che giấu công việc hủy diệt, cũng giống như ta che giấu sự tái sinh sản của mình. Ướp xác là tạo ra những bóng ma trong óc tưởng tượng của trái đất [Tăng cường các hình ảnh trong tinh tú quang] những con ma của cơn ác mộng, của ảo giác và sự sợ sệt chẳng qua chỉ là những hình chụp lang thang của những xác ướp. Chính những cái xác được ướp chỉ phân hủy bất toàn này đã gieo rắc nơi người sống bệnh dịch hạch, dịch tả, bệnh truyền nhiễm, sự buồn bã, đa nghi và chán đời. [Thiên hạ theo trực giác đã ngộ ra được sự thật vĩ đại này và các hội thiêu xác cũng như lò thiêu xác giờ đây đã được khởi xướng ở nhiều nơi tại Âu châu]. Chết là tỏa ra sự chết. Các nghĩa trang đầu độc bầu không khí của các thị trấn và chướng khí của các xác chết gây ảnh hưởng xấu cho đám con trẻ ngay cả khi còn nằm trong bụng mẹ.

Ở gần Jerusalem, tại thung lũng Gehenna, người ta có duy trì một ngọn lửa trường tồn để thiêu rác rưởi và xác chết của những con thú; Chúa Jesus có ám chỉ lửa đời đời này khi ngài bảo rằng kẻ độc ác sẽ bị quẳng vào *Gehenna*, nghĩa là linh hồn nào đã chết sẽ bị đối xử như các xác chết. Kinh Talmud dạy rằng linh hồn của những người nào không tin vào sự bất tử sẽ không được bất tử. Chỉ đức tin mới mang lại sự bất tử của phàm ngã; [Đức tin và quyền năng ý chí. Như chúng ta có nói sự bất tử là có điều kiện. Đó là phần thưởng của kẻ thanh khiết và tốt bụng. Kẻ độc ác, người duy vật đa dục chỉ sống sót. Kẻ nào chỉ đánh giá cao những khoái lạc của thể xác sẽ không và không thể sống ở bên kia cửa tử với vai trò là một Thực thể hữu ngã thức]; khoa học và lý trí chỉ có thể khẳng định sự bất tử chung chung.

Tội lỗi gây chết người là sự tự tử của linh hồn. Sự tự tử này sẽ xảy ra nếu người ta hiến mình cho điều ác với trọn sức mạnh của tâm trí khi biết rành rành thế nào là thiện thế nào là ác, và hoàn toàn có tự do hành động (điều này trong thực tế dường như không thể được, mặc dù có thể được trên lý thuyết) vì bản thể của một bản ngã độc lập là tự do vô điều kiện. Thiên tính không áp đặt điều gì lên con người, thậm chí

không bắt y phải tồn tại. Con người có quyền rút lui ngay cả tính thiện của đấng thiêng liêng, và giáo điều về địa ngục đời đời chỉ là sự xác nhận tự do ý chí đời đời.

Thượng Đế không đẩy ai xuống địa ngục. Chính con người mới có thể đi xuống đó một cách tự do, dứt khoát và tự nguyện.

Những người xuống địa ngục nghĩa là ở giữa điều ác rành rành [Nghĩa là họ được tái sinh trong một "thế giới thấp hơn" không phải là "địa ngục" hoặc bất kỳ luyện ngục nào của thần học mà là một thế giới vật chất hầu như tuyệt đối, là thế giới ngay trước thế giới cuối cùng trong "vòng tất yếu", thế giới cuối cùng này là nơi "không có sự cứu chuộc vì ở đó bóng tối tâm linh tuyệt đối ngự trị" (Thánh thư Kiu-te)] và ở giữa những đau khổ của sự trừng phạt tất yếu nhưng tuyệt nhiên không muốn như vậy, đều được kêu gọi để ra khỏi địa ngục. Đối với họ thì địa ngục này chỉ là luyện ngục thôi. Kẻ bị đày đoạ hoàn toàn, tuyệt đối và không ngừng nghỉ, chính là quỷ Sa tăng vốn không có sự tồn tại thuần túy mà chỉ là một giả thuyết cần thiết.

Sa tăng là lời lẽ cuối cùng trong sự sáng tạo. Đó là cứu cánh đã được giải thoát vô hạn. Sa tăng muốn được giống như Thượng Đế bằng cách trở thành đối cực của ngài. Thượng Đế là giả thuyết cần thiết cho lý trí, còn Sa tăng là giả thuyết cần thiết cho phi lý trí tự khẳng định mình thành tự do ý chí.

Muốn bắt tử về điều thiện thì người ta phải đồng hóa mình với Thượng Đế; muốn bắt tử về điều ác thì người ta phải đồng nhất hóa mình với Sa tăng. Đây là hai thái cực của thế giới linh hồn; giữa hai thái cực này thì bộ phận vô tích sự của nhân loại sống như loài cây cỏ và chết đi mà không nhớ được điều gì.

Chú thích của Ban biên tập. Điều này dường như bạn đọc bình thường không hiểu nổi, vì đó là một trong những giáo điều bí hiểm nhất của Giáo lý Huyền bí. Thiên nhiên vốn lưỡng tính: nó có một khía cạnh vật chất và vật thể, cũng như có một khía cạnh đạo đức và tâm linh; nó có cả điều thiện lẫn điều ác, điều ác là bóng tối cần thiết để làm nổi bật lên ánh sáng. Muốn cưỡng chế mình nhập vào dòng bất tử - hoặc nói cho đúng hơn là tìm cho mình một chuỗi vô tận những sự tái sinh với vai trò các cá tính hữu thức thì theo quyển xxxi trong Thánh thư Kiu-te, người ta phải trở thành một vị cộng tác với thiên nhiên hoặc là về điều *tốt* hoặc là về điều *xấu* tức là trong công trình sáng tạo và sinh sôi nảy nở hoặc là trong công trình hủy diệt. Chỉ có những kẻ vô tích sự mới bị thiên nhiên gạt bỏ, tàn bạo vứt nó đi khiến cho nó bị tiêu diệt hàng triệu người dưới dạng các thực thể hữu ngã thức. Như vậy trong khi kẻ tốt bụng và thanh khiết phấn đấu để nhập *Niết Bàn*, (tức là trạng thái tồn tại *tuyệt đối* và có tâm thức *tuyệt đối* mà đối với thế giới nhận thức hữu hạn thì đó lại là *không* tồn tại và *không* có ý thức) thì ngược lại, kẻ độc ác lại mưu tìm một loạt các kiếp sống dưới dạng các sinh linh dứt khoát có ý thức, chẳng thà chịu đau khổ theo luật công bằng báo phục còn hơn từ bỏ kiếp sống riêng tư để trở thành bộ phận của tổng thể bất khả phân ly của vũ trụ. Vì thừa biết rằng mình không hi vọng gì đạt được sự an dưỡng tối hậu nơi tinh thần thuần túy tức *Niết Bàn* cho nên chúng bám lấy sự sống dưới bất cứ dạng nào chứ không chịu từ bỏ cái "lòng ham sống" vốn gây ra một khối tập hợp các *Uẩn* mới tức là cá tính được tái sinh. Thiên nhiên là một bà mẹ tốt bụng đối với cả con chim mỗi độ ác cũng như đối với con chim bồ câu vô hại. Bà mẹ thiên nhiên phải trừng phạt con mình nhưng vì đứa con ấy đã trở thành kẻ cộng tác với bà trong cơ hủy diệt, cho nên bà không thể hắt hủi nó. Có những người hoàn toàn độc ác và trụy lạc, thể nhưng rất trí thức và có một tính linh sắc sảo làm điều ác cũng như có những người có tính linh làm điều thiện. *Bản ngã* của những người này có thể thoát khỏi luật hủy diệt tối hậu trong nhiều thời đại vị lai. Đó là điều mà Eliphas Levi ngụ ý muốn nói qua việc trở nên 'bất tử nơi điều ác' do đồng nhất hóa mình với Sa tăng. Linh ảnh trong Thánh thư *Khải huyền* của Thánh John (III, 15, 16) có nói rằng "Ta muốn con hoặc là *nóng* hoặc là *lạnh*. Thế mà vì con chỉ *ấm ấm* thôi chứ chẳng nóng chẳng lạnh cho nên ta sẽ khạc con ra khỏi miệng mình". Thánh thư *Khải huyền* là một quyển sách

hoàn toàn thuộc phái Kabbalah. Hơi nóng và hơi lạnh là hai “thái cực”, cũng như điều thiện và điều ác, *tinh thần* và *vật chất*. Thiên nhiên khắc phần “âm ảm” tức “bộ phận nhân loại vô tích sự” ra khỏi miệng mình nghĩa là hủy diệt họ. Quan niệm này (theo đó một bộ phận đáng kể của loài người sau rốt có thể không có được linh hồn bất tử) đâu có gì là mới ngay cả đối với bạn đọc Âu Tây. Chính Coleridge đã ví trường hợp này giống như trường hợp cây sồi, quả thật có cả triệu trái sồi, nhưng trong những tình huống danh nghĩa trong số các trái sồi đó không có tới một phần ngàn phát triển thành cây sồi, và ông gợi ý rằng vì đa số trái sồi không thể phát triển thành một cây sồi mới sống động, cũng vậy đa số con người có thể không phát triển được thành một thực thể mới sống động sau khi chết trên cõi trần.

PHỤ LỤC B

(Tập chí Nhà Thông Thiên Học số tháng 3 năm 1883)

I

Cố nhiên “DEVACHAN” là một *trạng thái* chứ không phải là một nơi chốn, cũng giống “A tỳ” (Avitchi) là phần đề của nó (làm ơn đừng lẫn lộn với *Địa ngục*). Triết lý Phật giáo Bí truyền có ba *cõi* chính được gọi là (1) *Kamaloka*, (2) *Rupaloka*, (3) *Arupaloka*; dịch theo sát nghĩa là (1) *Dục giới* tức thể giới của các đam mê, các khao khát trần tục chưa được thỏa mãn, nơi cư trú của “Ma hình” và những kẻ chết bất đắc kỳ tử, của Âm ma và người tự tử. (2) *Sắc giới* tức là thể giới của các u hồn mang tính chất tâm linh hơn, có hình tướng biểu hiện ra ngoại giới nhưng không có thực chất; (3) *Vô sắc giới* hoặc nói cho đúng hơn là thể giới phi *Hình tướng*, không có hình thể vì cư dân của nó không có cơ thể, hình hài hoặc màu sắc như phàm phu tục tử chúng ta theo nghĩa mà ta gán cho những từ này. Đây là ba cõi có tính linh tăng cao lên mà nhiều nhóm thực thể nội giới bị thu hút về đó. Chưa tới lúc để ta nói về hai cõi sau này, ta sẽ chỉ lưu ý cõi thứ nhất nghĩa là *Dục giới*. Từ đó trở đi ngoại trừ những ma hình còn rơi rớt lại, những kẻ tự tử và bất đắc kỳ tử, còn tùy theo sức hút và khả năng, mọi vong hồn đều nhập *Devachan* hoặc *trạng thái A tỳ*, hai *trạng thái* này tạo thành vô số phân bộ của các cõi “sắc giới” và “vô sắc giới”. Điều này có nghĩa là những *trạng thái* như thế chẳng những biến thiên về mức độ hoặc về sự trình hiện của đối tượng thực thể xét về hình tướng, màu sắc v.v. . . mà còn có vô số thang bậc của những *trạng thái* đó với tính linh và cường độ xúc cảm ngày càng tăng cao, từ mức thấp nhất nơi *sắc giới* lên mãi tới mức cao nhất nơi *vô sắc giới*. Học viên phải nhớ rằng *phàm ngã* đồng nghĩa với bị hạn chế và các ý tưởng của con người càng ích kỷ, càng co cụm bao nhiêu thì y càng bám khư khư bấy nhiêu vào các cõi tồn tại thấp, càng la cà lẫn lữa bấy nhiêu trên các cõi giao tiếp xã hội ích kỷ.

II

Để dùng một phần đề thì ta thấy “A tỳ” (Avitchi) là một *trạng thái* độc ác có *tính linh lý tướng* nhất, một điều nào đó tương cận với tình trạng của Lucifer mà Milton đã mô tả tuyệt vời xiết bao. Mặc dù vậy, bạn đọc biết suy tư ắt nhận thấy rằng không mấy người có thể đạt được *trạng thái* đó. Và nếu người ta khẳng định cho rằng bởi vì có *Devachan* cho hầu hết mọi người, cho cả kẻ tốt, kẻ xấu lẫn kẻ vô thường vô phạt, cho nên cứu cánh hài hòa và quân bình không còn được tôn trọng nữa và luật Báo phục, Công bằng vô tư, khắc khe khó lòng mà được thỏa mãn qua một sự tương đối hiềm hoi như thế (nếu không phải là hoàn toàn thiếu vắng phần đề của nó); nếu vậy thì xin đáp rằng chúng ta sẽ chứng tỏ *không phải như thế*. Triết gia Trung Hoa có nói

“Điều Ác là đứa con gái u mê của Đất (vật chất), còn Điều Thiện là đứa con gái đẹp người đẹp nết của Trời (tức tinh thần)”; vì thế cho nên nơi chốn trừng phạt hầu hết tội lỗi của chúng ta chính là Trần thế, nơi con người sinh ra và đóng tuồng ở đó. Ngay cả trên trần thế ta cũng thấy có nhiều điều ác biểu kiến và tương đối hơn là điều ác thực sự, và hàng ngày quần chúng cũng không đạt tới được tầm mức lớn lao và phi thường đến mức chết người của một “Sa tăng”. Hãy xem chú thích cuối trang trong bài “Sự Chết” của Eliphas Levi (Tạp chí *Nhà Thông Thiên Học* số tháng 10, quyển III) và lời giải đáp của ban biên tập cho bài báo “Sự Chết và sự Bất tử” (Tạp chí *Nhà Thông Thiên Học* số tháng 11, trang 28) và những cụm từ mà tác giả sử dụng khi nói tới những kẻ bất tử về điều thiện bằng cách đồng nhất hóa với Thượng Đế (tức điều thiện) và bất tử về điều ác bằng cách đồng nhất hóa với Sa tăng (tức điều ác). Mặc dù qui tắc chung chỉ áp dụng cho các thầy “Phù thủy”, nghĩa là những bậc cao đồ về Tà thuật, những người thật sự đã được Điểm đạo và là con của Điều Ác, thường được biết là “các Huynh đệ Bóng tối”; thế nhưng qui tắc đó cũng có ngoại lệ như bất kỳ qui tắc nào khác. Đôi khi những người đạt tới đỉnh cao tội ác đều trở thành những thầy phù thủy “vô ý thức”, họ đồng nhất hóa mình với “Sa tăng” để rồi chịu Số phận A tỳ. May mắn thay, nhờ vậy mà họ tránh được sự trừng phạt tồi tệ hơn – một cõi mà thật sự chỉ có những kẻ đi mà không có người trở lại một khi đã bước vào trong chu vi đen tối của nó để theo đuổi cuộc hành trình của mình.

PHỤ LỤC C

HÒA ÂM CỦA KHỨU GIÁC

(Tạp chí *Nhà Thông Thiên Học* số tháng 8 năm 1882)

Câu châm ngôn xưa cũ có nói rằng: “Sự Thật còn kỳ lạ hơn điều hư cấu”, lại một lần nữa được minh chứng hùng hồn. Một nhà khoa học người Anh – Giáo sư William Ramsay ở trường Đại học Bristol – vừa mới thông báo cho tạp chí Thiên Nhiên (xem số ngày 22 tháng 6) một thuyết giải thích về khứu giác rất có thể thu hút được nhiều chú ý. Do kết quả của quan sát và thí nghiệm ông đề xướng ý tưởng cho rằng khứu giác là do những rung động tương tự nhưng có chu kỳ thấp hơn những rung động làm nảy sinh ra cảm giác về ánh sáng và nhiệt. Ông giải thích rằng khứu giác được khơi dậy do các chất tiếp xúc với các cơ quan tận cùng của dây thần kinh khứu giác, các dây thần kinh này rải rác thành một mạng lưới trên khắp màn nhầy lót phần phía trên của hốc mũi. Nguyên nhân gần của khứu giác là do các cộng lông nhỏ tí của màn nhầy mũi nối kết với các dây thần kinh qua các tế bào hình suốt chỉ. Cảm giác này không được kích động do tiếp xúc với chất lỏng hoặc chất đặc mà luôn luôn do tiếp xúc với chất hơi. Ngay cả trong trường hợp các kim loại có bốc mùi chẳng hạn như đồng thau, đồng tinh luyện, thiếc v.v. . . , chúng cũng bốc ra một chất hơi tinh vi hoặc một hơi sắc mùi nồng nặc ở nhiệt độ bầu khí quyển bình thường. Cường độ biến thiên của khứu giác tùy thuộc vào trọng lượng phân tử tăng cao lên cho nên ông nghĩ rằng *chất lượng* có thể tùy thuộc vào các hòa âm của rung động. “Như vậy, *chất lượng* của cung bậc trong vĩ cầm khác với âm sắc của một cây sáo do có những hòa âm khác nhau, đặc thù cho mỗi nhạc cụ. Tôi xin gán cho các hòa âm số lượng của khứu giác mà các chất khác nhau có được . . . Thế thì khứu giác có vẻ giống như âm thanh vì chất lượng của nó chịu ảnh hưởng của các hòa âm. Và cũng giống như một cây sáo nhỏ có cùng chất lượng với cây sáo lớn mặc dù một số hòa âm của nó cao đến mức vượt ngoài tầm nghe của tai; cũng vậy do chất lượng của các hòa âm nếu chỉ diễn ra một mình thôi, khứu giác có thể vượt ngoài tầm của giác quan.” Ông nhận xét rằng nếu hai âm thanh

được nghe cùng một lúc thì nó gây ra một sự hài âm hoặc thiếu hài âm, thế nhưng tai vẫn có thể phân biệt riêng được chúng. Mặt khác, hai màu sắc tạo ra một ấn tượng duy nhất lên trên mắt và không chắc gì chúng ta có thể phân tích được chúng. “Nhưng khứu giác giống như âm thanh chứ không giống như ánh sáng về đặc điểm này. Đó là vì khi ta pha trộn các mùi thì trên thực tế ta có thể phân biệt được mỗi mùi thành phần, và khi thí nghiệm trong phòng thí nghiệm thì ta làm khớp được cảm giác đó bằng cách pha trộn các mùi thành phần khác nhau. Xét theo biểu kiến là đáng kinh ngạc về sự táo bạo của mình, ông ta đã nêu ra “thuyết này mà dẫn chứng nó một cách rất ngại ngùng”. Kẻ phát kiến tội nghiệp đó coi chừng bàn chân voi của Hội Hoàng gia có thể dẫm nát ngón chân cái của y! Ông ta bảo rằng vấn đề này sẽ được giải quyết “bằng cách đo lường kỹ lưỡng các ‘vạch’ trong quang phổ của tia nhiệt và tính toán các vạch căn bản mà thuyết này giả định là nguyên nhân của khứu giác.

Giáo sư Ramsay có thể đâm ra dễ chịu nếu ông biết rằng mình không phải là người đầu tiên bước trên con đường mà ông đột ngột thấy chạy ngoằn ngoèo từ cửa phòng thí nghiệm lên mãi tới tột đỉnh vinh quang. Cách đây hơn 20 năm, một tác giả nổi tiếng là bác sĩ Mayo có xuất bản ở Mỹ một quyển tiểu thuyết tựa đề là *Kaloolah*. Ngoài những điều khác ra, quyển này giả vờ mô tả một thị trấn xa lạ ở trong lòng châu Phi, nơi mà về nhiều phương diện thì dân chúng ở đây còn văn minh và hoàn hảo hơn những người Âu Tây hiện đại. Chẳng hạn như xét về khứu giác thì ông hoàng ở xứ đó, để mua vui cho khách viếng thăm – vị anh hùng trong chuyện này cùng với đoàn tùy tùng – ông hoàng ngồi trước một nhạc cụ lớn trông giống như một đàn organ có những ống, phím, bàn đạp, nốt khóa v.v. . . và chơi một bản nhạc phức tạp, trong đó các hòa âm thể hiện thành các mùi thay vì là các âm thanh giống như một nhạc cụ bình thường. Ông hoàng giải thích rằng nhờ thực hành, nhân dân của ông đã khiến cho khứu giác đạt tới mức bén nhạy tinh vi, giúp cho họ dùng các tổ hợp và những sự tương phản mùi để vui hưởng ở mức cao giống như người Âu Tây vui hưởng “sự hội tụ của các âm thanh du dương”. Do đó nếu ông Mayo không phải là một nhà khoa học thì rõ ràng là ít ra ông cũng nhận biết trực giác được cái thuyết rung động này về các mùi và *hòa âm khứu giác* của ông không phải là một hình ảnh vô căn cứ trong óc hoang tưởng của người viết tiểu thuyết giống như bạn đọc tiểu thuyết lầm tưởng khi họ cười phá lên thực tình chế nhạo cái sự kiêu ngạo đó. Như ta đã thường quan sát thấy, sự thật là giấc mơ của một thể hệ này lại trở thành kinh nghiệm của một thể hệ sắp tới. Nếu tiếng nói khiêm tốn của chúng ta không phạm thượng mà xâm nhập được vào một nơi chốn linh thiêng như phòng thí nghiệm của trường Đại học Bristol thì chúng ta xin thỉnh cầu ông Ramsay hãy thoáng nhìn – chỉ nhìn trộm thôi qua cánh cửa khép kín, khi chỉ có mỗi một mình ông ở đó – vào (cần phải dừng cảm lăm để nói từ sau đây) . . . *Khoa học Huyền bí*. (Chúng tôi cũng đâu dám nói cái ngôn từ dễ sợ đó, nhưng rốt cuộc thì nó cũng phọt ra và Giáo sư ắt phải nghe thấy nó). Lúc bấy giờ ông ắt thấy thuyết rung động của mình còn xưa hơn cả bác sĩ Mayo nữa, vì người Aryen đã biết tới nó và đã bao gồm nó trong triết lý về hòa âm của thiên nhiên. Họ dạy rằng mọi rung động của Thiên Nhiên đều có một sự tương ứng hoàn toàn hoặc bù trừ hỗ tương cho nhau; có một mối quan hệ mật thiết nhất giữa tập hợp các rung động mang lại cho ta ấn tượng về âm thanh cũng như tập hợp các rung động mang lại cho ta ấn tượng về màu sắc. Bộ sách *Vén màn Bí mật Nữ thần Isis* có bàn luận khá dài dòng về đề tài này. Bậc Cao đồ ở Đông phương thực tế đã áp dụng chính sự hiểu biết này khi ngài biến đổi bất kỳ mùi khó chịu nào thành ra bất kỳ hương thơm dễ chịu nào mà ngài có thể nghĩ tới. Thế là khoa học hiện đại sau khi vui hưởng *sự đùa nghịch* với óc cả tin ấu trĩ của người Á châu cứ tin vào những chuyện thần tiên về thần thông của chư thánh, thì giờ đây rốt cuộc cũng bắt buộc phải chứng tỏ sự khả hữu theo khoa học của chính những thần thông đó qua sự thí nghiệm thật sự nơi phòng thí nghiệm. “Cười người hôm trước hôm sau người cười” là một ngạn ngữ mà những kẻ tốt nghiệp ở Ấn Độ rất cần phải nhớ.

PHỤ LỤC D

(Các Chú Thích cho Tập chí Nhà Thông Thiên Học, quyển 4, trang 37)

A. Xem quyển *Lịch sử Châu Atlantis* của Plato mà các tu sĩ ở Sais trình bày cho vị tổ tiên vĩ đại của mình là Solon, nhà lập pháp thành Athen.

Châu Atlantis, lục địa bị chìm và là vùng đất của "Tri thức về điều Thiện và điều Ác" (đặc biệt là điều Ác) đến *mức tột độ*, là nơi cư trú của giống dân thứ tư (chúng ta thuộc giống dân thứ năm); quyển *Popol Vuh* (Thánh thư của người Guatemala) tin rằng giống dân thứ tư có tầm nhìn vô hạn và "biết ngay tức khắc mọi chuyện". Trong số các huyền bí gia, Eliphas Levi có đề cập tới truyền thuyết bí mật về cuộc tranh chấp lớn xảy ra trong lịch sử xa xăm thời tiền sử thuộc Châu Atlantis giữa "các Con của Thượng Đế" tức là các bậc Cao đồ được Điểm đạo của Sambhala (Xưa kia là một vùng đất đẹp đẽ, một ốc đảo xung quanh bao bọc bởi sa mạc khô cằn và những hồ muối) cùng với người dân Atlante là những pháp sư độc ác ở Thevetat (Xem quyển *Nữ thần Isis*, quyển I, trang 589-594).

Trong đám dân Đông phương, nhất là trong hàng ngũ các nhà huyền bí học Mông cổ và Tây Tạng có một niềm tin xác tín rằng cứ đến lúc mỗi giống dân khi loài người đạt tới tột đỉnh tri thức thuộc chu kỳ đó thì nhân loại bị chia thành hai lớp riêng biệt, chẻ nhánh ra thành một đẳng là "các Con Ánh sáng" còn một đẳng là "các Con Bóng tối", tức là một đẳng gồm các bậc Cao đồ đã được điểm đạo, còn một đẳng gồm các pháp sư bẩm sinh tức các người đồng cốt. Vào lúc tận cùng của giống dân khi đám hậu duệ tạp chủng đã cung ứng được những người tiên phong đầu tiên của một giống dân mới cao hơn thì xảy ra trận chiến đấu cuối cùng một mất một còn trong đó "các Con Bóng tối" thường bị tận diệt do một đại họa nào đó của thiên nhiên hoặc là do lửa hoặc là do nước. Châu Atlantis bị chìm xuống nước, vì thế cho nên suy ra rằng bộ phận nhân loại thuộc giống dân thứ năm hợp thành "các pháp sư bẩm sinh" sẽ bị tận diệt trong tương lai qua một đại thảm họa bằng lửa.

B. (trang 37) Điều thực ra còn ác hiểm và là con dê dễ sợ hơn nữa, đó là Baphomet mà ngay tận giờ đây cũng còn bị các Ki Tô hữu Công giáo La Mã coi là Sa Tăng, bậc Thầy của "các Phù thủy Sabbath", nhân vật trung tâm của các cơn phóng dục vào ban đêm? Tại sao lại chỉ có Phiếm thần tức Thiên nhiên.

C. Khi dùng cụm từ "giáo điều của các lực ngũ hành", Eliphas Levi ngụ ý là "tinh thần" và "vật chất" mà Zoroaster đã biến thành ẩn dụ cho quần chúng dưới dạng Ormazd và Ahriman, là nguyên mẫu của "Thượng Đế" và "Ma quỷ" trong Ki Tô giáo; triết lý của Khoa học Huyền bí tổng kết nó thành ra "Tam nguyên của Con người" (thể xác, linh hồn, tinh thần tức hai thái cực và "bản chất trung gian" của con người), tiểu vũ trụ toàn bích của Đại Vũ Trụ Nhất Như. Trong *Khodah- Avesta* người ta có bác bỏ thuyết nhị nguyên của Bái Hỏa giáo, linh hồn thoát xác chất vẫn kẻ đứng cạnh cửa thiên đường: "Hỡi bậc thần tiên ngài là ai vậy?" Đáp: "Hỡi linh hồn, ta là các hành động thanh khiết và tốt đẹp của người. . . là định luật, thiên thần và Thượng Đế của người".

D. (trang 38) Trạng thái thứ bảy của vật chất-sự sống. Người Ấn Độ có thể nghiên cứu Lửa và Ánh sáng của "Trình nữ Tinh tú" dưới dạng Lửa và Ánh sáng của Akasha.

E. " tránh việc thấy được Thượng Đế là gì" nghĩa là hiểu ra rằng Thượng Đế chẳng qua chỉ là con người và ngược lại con người cũng là Thượng Đế khi y không phải là mặt trái của Thượng Đế tức là Ma quỷ. Chúng ta biết có nhiều người chẳng thà tự nguyện chịu mù quáng suốt đời chứ không chấp nhận sự thật rành rành và mực thước.

F. (trang 38) Thần Cupid là nguyên khí thứ bảy tức Brahma của môn đồ Vedanta, còn Psyche là hiện thể của nó tức nguyên khí thứ sáu, tức hồn thiêng. Ngay khi bà cảm thấy mình riêng biệt với "chồng" mình và nhìn thấy chồng thì bà bèn mất chồng. Hãy nghiên cứu "Tà thuyết về Cá thể" thì bạn sẽ hiểu ngay thôi.

G. Theo huyền thoại của Ki Tô giáo thì Đấng Cứu chuộc là Đấng Điểm đạo, ngài hiến tế cuộc đời mình để có đặc quyền dạy một sự thật vĩ đại cho đệ tử. Bậc nào đã giải mã được con Nhân sư trong Ki Tô giáo đều "trở thành bậc Thầy về Đấng Tuyệt Đối" vì lý do đơn giản là bí nhiệm lớn nhất thuộc mọi cuộc điểm đạo cổ truyền trong quá khứ, hiện tại và tương lai đã được tiết lộ rành rành cho ngài. Những người nào chấp nhận ẩn dụ theo nghĩa đen vẫn còn mù quáng trọn đời và những ai tiết lộ nó cho quần chúng vô minh đáng bị phạt vì thiếu sự kín miệng khi tìm cách "quảng chuôi ngọc trai cho lũ heo".

Khi người nào thông minh đọc hiểu được thì *Tạp chí Nhà Thông Thiên Học* chứng tỏ rằng họ đáng có được tri thức bí nhiệm và họ được phép bỏ đi chuyện nói bóng gió. Người nào muốn thăm dò bí mật trong ẩn dụ về con Nhân sư lẫn Thập tự giá xin hãy nghiên cứu các phương thức điểm đạo của người Ai Cập, Chaldea, cổ Do Thái, Ấn Độ v.v. . . Thế rồi y ắt thấy rằng thuật ngữ "Chuộc tội" còn xa xưa hơn Ki Tô giáo nữa cũng có nghĩa là "Rửa tội bằng Máu". Và giây phút cuối cùng của cuộc điểm đạo tối cao, khi Đấng Điểm đạo đã truyền tâm ấn cuối cùng thì hoặc là bậc đạo trưởng hoặc người "mới được sinh ra lần thứ hai", tức là người xứng đáng hơn trong số hai người đó phải chết, vì hai vị Cao đồ có tay ấn ngang nhau được quyền sống đồng thời và bậc nào "đã toàn bích" thì không còn chỗ trên trần thế nữa. Trong tác phẩm của mình, Eliphas Levi có nói bóng gió tới điều bí mật này mà không giải thích. Thế nhưng ông có nói tới thánh Moses đã chết, bí mật biến mất khỏi đỉnh núi Pisgah sau khi đã chạm tay lên Aaron mới được điểm đạo; Chúa Jesus cũng chết vì đệ tử "mà ngài yêu thương" là thánh John, tác giả của sách Khải huyền; còn thánh John tiền hô, là người cuối cùng nhóm người Nazas chân chính thuộc Cựu Ước (Xem Nữ thần Isis, quyển II, trang 132) – trong những bài tường thuật Phúc âm bất toàn mâu thuẫn và bị xuyên tạc – sau này cũng phải chết do cơn bốc đồng của Herodias; còn theo tài liệu bí mật thuộc phái Kabbalah của người Nabath thì ông đã hiến mình làm nạn nhân đền tội sau khi đã rửa tội (nghĩa là đã điểm đạo) cho vị truyền nhân của mình nơi vùng Jordan thần bí.

Trong những tài liệu đó, sau khi điểm đạo thì Aba là Cha lại trở thành Con và Con lại kế nghiệp Cha để trở thành Cha và Con cùng một lúc, được linh hứng do *Sophia Achamoth* (Minh triết Bí nhiệm), sau này được biến thành Ngôi Thánh Thần. Người Nazarene bảo rằng bậc truyền nhân của thánh John tiền hô không phải là Chúa Jesus. Nhưng chẳng mấy lúc nữa thì cũng đến như vậy. Mãi cho tới lúc đó thì cuộc điểm đạo bên ngoài Hi mã Lạp sơn được nối tiếp bởi sự chết tạm thời (từ 3 đến 6 tháng) của người đệ tử, thường là cả đấng điểm đạo nữa: nhưng các Phật tử không làm đổ máu vì họ ghê sợ điều này do biết rằng máu thu hút các thể lực ma quỷ. Vào cuộc điểm đạo *Chinnamasta* của Mật tông Ấn giáo (*Chinna* là bị cắt đứt, *masta* là cái đầu) vị nữ thần được biểu diễn bằng một cái đầu bị cắt cụt; kinh điển của Mật tông Ấn giáo dạy rằng ngay khi bậc cao đồ đã đạt tới mức toàn bích cao nhất thì ngài phải truyền tâm ấn cho bậc được truyền thừa rồi chết đi, hiến tế máu để chuộc tội cho các huynh đệ. Ngài phải "dùng bàn tay phải cắt đứt đầu mình và dùng tay trái cầm cái đầu đó". Ba luồng máu phun ra từ cái thân bị cắt cụt đầu. Một luồng máu hướng vào miệng của cái đầu đã bị cắt cụt (. . . máu ta quả thật đã được uống" . . . huấn lệnh này trong thánh thư

John đã gây sốc xiết bao cho các đệ tử). Luồng máu kia hướng xuống đất để hiến tế máu tinh khiết và vô tội cho Địa mẫu; còn luồng máu thứ ba phun lên trời để chứng giám cho sự hiến tế của kẻ đã "xả thân". Thế mà điều này có một ý nghĩa huyền bí sâu xa mà chỉ bậc được điểm đạo mới hiểu thôi: giáo điều của Ki Tô giáo giải thích chẳng có điều gì đúng sự thật; những điều được linh hứng phần nào qua định nghĩa của các tác giả quyển "Con đường Toàn bích" tiết lộ sự thật còn gần đúng hơn bất kỳ nhà bình luận nào của Ki Tô giáo. /.